

# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với  
doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Quản lý thuế 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội

về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ Quy định về khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sửa đổi bởi Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Căn cứ Nghị định 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 13670/TTr-STC ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan,

đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Công Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY TRÌNH

**Kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này Quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh (sau đây gọi tắt là đăng ký kinh doanh) đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh/văn phòng đại diện), địa điểm kinh doanh có liên quan (sau đây gọi tắt là Quy trình kiểm tra), bao gồm:

- Lập, phê duyệt kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch kiểm tra và ban hành Quyết định kiểm tra.
- Nội dung kiểm tra; trình tự, thủ tục kiểm tra.
- Tổ chức thực hiện kết quả kiểm tra.
- Phối hợp trong hoạt động kiểm tra.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Sở, ngành Thành phố;
- Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh; Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý);
- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã);

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến đăng ký kinh doanh.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy trình này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ quan chức năng* là cơ quan quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Quy trình này.

2. *Cổng thông tin doanh nghiệp Thành phố* tại địa chỉ <https://doanhnghiep.hochiminhcity.gov.vn> là Cổng Thông tin điện tử do Sở Tài chính xây dựng, vận hành được sử dụng để tra cứu thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư; truy cập thông tin đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư tại Thành phố Hồ Chí Minh; cung cấp, chia sẻ thông tin về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập của các cơ quan chức năng trên địa bàn.

Các cơ quan chức năng có trách nhiệm cập nhật thông tin về quá trình kiểm tra doanh nghiệp theo Quy trình kiểm tra vào chương trình Hậu kiểm trên Cổng thông tin doanh nghiệp Thành phố trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất các bước kiểm tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc không cập nhật hoặc cập nhật không đúng thời hạn (trừ các trường hợp theo quy định của luật chuyên ngành) và theo dõi kết quả thực hiện kết quả kiểm tra.

3. *Kiểm tra về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh* là hoạt động kiểm tra chuyên ngành, xem xét, đánh giá, xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền đối với việc chấp hành pháp luật về đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

### **Điều 4. Nguyên tắc kiểm tra**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục.

3. Không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động kiểm tra chuyên ngành của các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành khác, không gây cản trở hoạt động bình thường của đối tượng kiểm tra.

4. Ưu tiên kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.

5. Miễn kiểm tra thực tế đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã hộ kinh doanh tuân thủ tốt quy định pháp luật như: Không cơ sở, tài liệu thể hiện doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã hộ kinh doanh có dấu hiệu vi phạm về đăng ký kinh doanh, về hoạt động kinh doanh.

#### **Điều 5. Hình thức kiểm tra**

1. Hoạt động kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất.

2. Kiểm tra theo kế hoạch được tiến hành trên cơ sở kế hoạch kiểm tra được cấp thẩm quyền phê duyệt hàng năm.

3. Kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật; theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị; phòng, chống tham nhũng hoặc theo yêu cầu cấp thiết phục vụ công tác quản lý nhà nước.

4. Đoàn kiểm tra chuyên ngành được thành lập để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành theo quyết định của người có thẩm quyền. Đoàn kiểm tra chuyên ngành gồm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn (nếu có) và các thành viên.

Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra chuyên ngành phải là người am hiểu pháp luật, có năng lực, chuyên môn phù hợp với nội dung kiểm tra chuyên ngành; không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật, xử lý hình sự; không thuộc trường hợp xung đột lợi ích với đối tượng kiểm tra theo quy định. Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành được bồi dưỡng về nghiệp vụ kiểm tra chuyên ngành.

#### **Điều 6. Thời hạn kiểm tra, địa điểm kiểm tra**

1. Cuộc kiểm tra chuyên ngành của Sở, ngành Thành phố, Ban Quản lý thực hiện thì thời hạn kiểm tra không quá 10 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 05 ngày;

2. Cuộc kiểm tra chuyên ngành của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thì thời hạn kiểm tra không quá 07 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 03 ngày;

3. Thời hạn kiểm tra được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Việc gia hạn thời gian kiểm tra do người ra Quyết định kiểm tra quyết định

4. Đoàn kiểm tra làm việc tại trụ sở, nơi làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân là đối tượng kiểm tra, trụ sở cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra hoặc tại nơi tiến hành kiểm tra, xác minh theo kế hoạch tiến hành kiểm tra.

### **Điều 7. Tần suất kiểm tra**

1. Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có), bao gồm cả kiểm tra liên ngành, không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

2. Đối với cùng một nội dung quản lý nhà nước, trường hợp đã tiến hành hoạt động thanh tra thì không thực hiện hoạt động kiểm tra hoặc đã tiến hành hoạt động kiểm tra thì không thực hiện hoạt động thanh tra doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong cùng một năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

## **Chương II QUY TRÌNH TỔ CHỨC KIỂM TRA**

### **Điều 8. Lập, phê duyệt kế hoạch kiểm tra**

1. Lập, phê duyệt kế hoạch kiểm tra hàng năm được quy định như sau:

Lập, phê duyệt kế hoạch kiểm tra hàng năm của các cơ quan chức năng được thực hiện theo Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập, trong đó:

a) Sở, ngành, Ban Quản lý lập, phê duyệt kế hoạch kiểm tra về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã theo lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã lập, phê duyệt kế hoạch kiểm tra về đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thuộc địa bàn phụ trách.

### **Điều 9. Quyết định kiểm tra**

1. Hoạt động kiểm tra phải được cấp có thẩm quyền ra Quyết định kiểm tra, Đoàn kiểm tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo quyết định của người có thẩm quyền.

Việc thay thế Trưởng đoàn hoặc thành viên Đoàn kiểm tra do người ban hành quyết định kiểm tra quyết định và thông báo cho đối tượng kiểm tra.

2. Việc trình, ban hành Quyết định kiểm tra phải dựa trên căn cứ sau:

- a) Căn cứ kế hoạch kiểm tra đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.
  - b) Theo chỉ đạo, yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.
  - c) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
  - d) Theo kế hoạch kiểm tra chuyên đề (nếu có).
- đ) Quyết định kiểm tra sau khi ban hành được công bố với đối tượng kiểm tra khi tiến hành kiểm tra.

Nội dung Quyết định kiểm tra được thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quy trình kiểm tra.

3. Xây dựng, phê duyệt, phổ biến kế hoạch tiến hành kiểm tra

a) Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tiến hành kiểm tra trình người đứng đầu đơn vị phê duyệt trước khi công bố Quyết định kiểm tra.

Nội dung của kế hoạch kiểm tra gồm: Mục đích, yêu cầu. Phạm vi, nội dung, đối tượng, thời kỳ, thời hạn, thời điểm. Tùy theo mục đích, yêu cầu của cuộc kiểm tra, nội dung kiểm tra có thể bao gồm toàn bộ hoặc một phần các nội dung quy định tại Chương III Quy trình này.

Phương pháp tiến hành kiểm tra, tiến độ thực hiện, chế độ thông tin báo cáo (nếu có), việc sử dụng phương tiện, thiết bị, kinh phí và những điều kiện vật chất cần thiết khác phục vụ hoạt động của Đoàn kiểm tra.

Kế hoạch tiến hành kiểm tra được thực hiện theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Quy trình kiểm tra.

Trưởng đoàn kiểm tra phổ biến, quán triệt kế hoạch tiến hành kiểm tra đến các thành viên Đoàn kiểm tra. Phân công nhiệm vụ cho thành viên Đoàn kiểm tra bằng văn bản, nêu rõ nội dung công việc, thời gian thực hiện, thời kỳ báo cáo, gửi cho thành viên Đoàn kiểm tra để thực hiện và gửi người ra quyết định kiểm tra để báo cáo.

b) Điều chỉnh kế hoạch tiến hành kiểm tra

Trường hợp cần thiết xuất phát từ yêu cầu, mục đích kiểm tra, kế hoạch tiến hành kiểm tra có thể được điều chỉnh.

Trưởng đoàn kiểm tra dự thảo kế hoạch tiến hành kiểm tra điều chỉnh trình người đứng đầu đơn vị chủ trì cuộc kiểm tra phê duyệt. Nội dung điều chỉnh kế hoạch tiến hành kiểm tra không được trái với Quyết định kiểm tra.

Kế hoạch tiến hành kiểm tra điều chỉnh phải được phổ biến theo quy định tại điểm a nêu trên và là căn cứ để điều chỉnh phân công nhiệm vụ của các thành viên Đoàn kiểm tra (nếu có).

#### 4. Xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng báo cáo

Căn cứ Quyết định kiểm tra, kế hoạch tiến hành kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổ chức xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo. Đề cương yêu cầu báo cáo thực hiện theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Quy trình kiểm tra.

Thời gian gửi văn bản, đề cương báo cáo ít nhất 05 ngày làm việc trước thời điểm công bố Quyết định kiểm tra để đối tượng có thời gian chuẩn bị, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ hình thức báo cáo, thời hạn nộp báo cáo.

#### 5. Thông báo về việc công bố Quyết định kiểm tra

Trên cơ sở Quyết định kiểm tra đã được ban hành, Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm thông báo đến đối tượng kiểm tra về việc công bố Quyết định kiểm tra. Thông báo phải nêu rõ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự cuộc họp.

### **Điều 10. Tiến hành kiểm tra**

#### 1. Công bố Quyết định kiểm tra

Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra công bố quyết định kiểm tra với đối tượng kiểm tra và thông báo chương trình làm việc, những công việc khác có liên quan đến hoạt động của Đoàn kiểm tra.

Việc công bố Quyết định kiểm tra phải được lập thành biên bản, có chữ ký của Trưởng đoàn kiểm tra và thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật. Biên bản công bố Quyết định kiểm tra thực hiện theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Quy trình kiểm tra.

Đoàn kiểm tra có thể thực hiện công bố quyết định kiểm tra bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

Trong trường hợp việc tiến hành kiểm tra được trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử: Người ra Quyết định kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra; tăng cường kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực; bảo đảm hoạt động kiểm tra được thực hiện kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

## 2. Thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra

a) Trường đoàn kiểm tra yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra. Văn bản đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu thực hiện theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Quy trình kiểm tra.

Việc giao nhận hồ sơ, tài liệu phải lập thành biên bản. Biên bản giao nhận hồ sơ, tài liệu thực hiện theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Quy trình kiểm tra.

b) Trong quá trình kiểm tra, nếu xét thấy cần thiết, Trường đoàn kiểm tra hoặc thành viên Đoàn kiểm tra tiếp tục yêu cầu đối tượng kiểm tra, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra. Việc cung cấp thông tin, tài liệu được thể hiện bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc Đoàn kiểm tra lập biên bản về việc cung cấp thông tin, tài liệu.

c) Việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu thu thập theo đúng quy định của pháp luật.

## 3. Xem xét, đánh giá thông tin, hồ sơ, tài liệu.

a) Trên cơ sở báo cáo của đối tượng kiểm tra và các thông tin, tài liệu đã thu thập được, Đoàn kiểm tra có trách nhiệm đối chiếu, so sánh, đánh giá; yêu cầu đối tượng kiểm tra giải trình về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra; tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế (thấy cần thiết) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan của những thông tin, tài liệu đã kiểm tra, xác minh.

b) Trường hợp kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu tại cơ quan, tổ chức, cá nhân không phải là đối tượng kiểm tra thì thành viên Đoàn kiểm tra phải đề xuất xin ý kiến Trường đoàn kiểm tra và phải được sự đồng ý của Trường đoàn kiểm tra. Kết quả kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra phải được

thể hiện bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra, xác minh hoặc Đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra, xác minh thực hiện theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Quy trình kiểm tra.

#### 4. Xử lý sai phạm được phát hiện khi tiến hành kiểm tra

a) Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra quyết định lập biên bản về việc sai phạm là cơ sở xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với sai phạm là hành vi vi phạm hành chính, Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính (trừ trường hợp không lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định) để xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Trường hợp sai phạm được phát hiện không thuộc quyền xử lý thì Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra Quyết định kiểm tra bằng văn bản để kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo với người ra quyết định kiểm tra xem xét, quyết định thông báo vụ việc sang Cơ quan điều tra có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

#### 5. Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra

a) Thành viên Đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra cho Trưởng đoàn kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt hoặc theo yêu cầu đột xuất của Trưởng đoàn kiểm tra.

b) Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo với người ra Quyết định kiểm tra về tiến độ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo kế hoạch tiến hành kiểm tra đã được phê duyệt hoặc theo yêu cầu đột xuất của người ra Quyết định kiểm tra.

c) Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra được thể hiện bằng văn bản, gồm các nội dung: tiến độ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đến ngày báo cáo; nội dung kiểm tra đã hoàn thành, kết quả phần việc đã kiểm tra, nội dung kiểm tra đang tiến hành; dự kiến công việc thực hiện trong thời gian tới; khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp giải quyết.

d) Người ra Quyết định kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra phải kiểm tra và có ý kiến chỉ đạo cụ thể, xử lý kịp thời kiến nghị của Trưởng đoàn kiểm tra.

6. Sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra trong quá trình kiểm tra

a) Sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra theo yêu cầu của người ra Quyết định kiểm tra.

Trường hợp người ra Quyết định kiểm tra thấy cần phải sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra thì người ra Quyết định kiểm tra có văn bản yêu cầu Trưởng đoàn kiểm tra thực hiện.

Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm thông báo nội dung sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra cho thành viên Đoàn kiểm tra và tổ chức triển khai thực hiện.

b) Sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra theo đề nghị Đoàn kiểm tra.

Trưởng đoàn kiểm tra có văn bản đề nghị người ra Quyết định kiểm tra xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra. Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra phải nêu rõ lý do, nội dung sửa đổi, bổ sung và những nội dung khác có liên quan.

Đoàn kiểm tra thảo luận về đề nghị sửa đổi, bổ sung kế hoạch, tiến hành kiểm tra. Các ý kiến khác nhau phải được báo cáo đầy đủ với người ra Quyết định kiểm tra.

Khi người ra Quyết định kiểm tra có văn bản phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra căn cứ ý kiến phê duyệt để sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra và tổ chức thực hiện.

7. Thay đổi Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra; bổ sung thành viên Đoàn kiểm tra

a) Trong quá trình kiểm tra, việc thay đổi Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra được thực hiện trong trường hợp Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ kiểm tra, vi phạm pháp luật hoặc vì lý do khách quan mà không thể thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

b) Việc thay đổi Trưởng đoàn kiểm tra.

Trường hợp Trưởng đoàn kiểm tra đề nghị được thay đổi: Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo bằng văn bản nêu rõ lý do gửi người ra Quyết định kiểm tra.

Trường hợp người ra Quyết định kiểm tra chủ động thay đổi: Người ra Quyết định kiểm tra thông báo cho Trưởng đoàn kiểm tra lý do phải thay đổi.

Người ra Quyết định kiểm tra giao cho người dự kiến thay thế làm Trưởng đoàn kiểm tra dự thảo quyết định thay đổi Trưởng đoàn kiểm tra trình người ra Quyết định kiểm tra ký ban hành.

c) Việc bổ sung thành viên Đoàn kiểm tra được thực hiện trong trường hợp cần bảo đảm tiến độ, chất lượng kiểm tra hoặc để đáp ứng các yêu cầu khác phát sinh trong quá trình kiểm tra.

d) Việc thay đổi, bổ sung thành viên Đoàn kiểm tra do Trưởng đoàn kiểm tra đề nghị bằng văn bản. Văn bản đề nghị thay đổi, bổ sung phải ghi rõ lý do, họ tên, chức danh thành viên được thay đổi, bổ sung.

Nếu người ra Quyết định kiểm tra đồng ý thay đổi, bổ sung thành viên Đoàn kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra dự thảo quyết định thay đổi, bổ sung trình người ra Quyết định kiểm tra ký ban hành.

## 8. Gia hạn thời gian kiểm tra

### a) Các trường hợp gia hạn thời gian kiểm tra

Cuộc kiểm tra phức tạp, liên quan đến nhiều nội dung, đối tượng, địa bàn.

Đối tượng kiểm tra hoặc các tổ chức, cá nhân có liên quan không hợp tác, cản trở, chống đối, gây khó khăn làm ảnh hưởng đến thời hạn kiểm tra.

Các sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến thời hạn kiểm tra.

b) Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra Quyết định kiểm tra bằng văn bản về việc gia hạn thời hạn kiểm tra, nêu rõ lý do, sự cần thiết phải gia hạn, kèm theo dự thảo Quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra trình người ra Quyết định kiểm tra xem xét, quyết định.

c) Quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra được gửi cho đối tượng kiểm tra và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra thực hiện theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo Quy trình kiểm tra.

## 9. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của thành viên Đoàn kiểm tra

Từng thành viên Đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Trưởng đoàn kiểm tra về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và phải chịu trách

nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo đó.

Trường hợp nhận thấy nội dung báo cáo chưa rõ, chưa đủ thì Trưởng đoàn kiểm tra yêu cầu thành viên Đoàn kiểm tra bổ sung, làm rõ thêm.

#### 10. Kết thúc việc kiểm tra tại nơi được kiểm tra

a) Chuẩn bị kết thúc việc kiểm tra tại nơi được kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra tổ chức họp Đoàn kiểm tra thống nhất các nội dung công việc cần thực hiện cho đến ngày kết thúc kiểm tra tại nơi được kiểm tra.

b) Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo với người ra quyết định kiểm tra về dự kiến kết thúc việc kiểm tra tại nơi được kiểm tra.

c) Trưởng đoàn kiểm tra thông báo bằng văn bản về thời gian kết thúc kiểm tra với đối tượng kiểm tra theo Mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Quy trình kiểm tra. Trường hợp cần thiết có thể tổ chức buổi làm việc với đối tượng kiểm tra để thông báo việc kết thúc kiểm tra.

11. Theo đề nghị của Trưởng đoàn kiểm tra, người ra Quyết định kiểm tra ban hành Quyết định việc tạm dừng kiểm tra trong trường hợp bất khả kháng mà không thể tiếp tục thực hiện kiểm tra; quyết định đình chỉ kiểm tra trong trường hợp đối tượng kiểm tra không còn, nội dung kiểm tra đã được thanh tra, đã có quyết định khởi tố hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 11. Kết thúc kiểm tra**

1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết thúc kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Trưởng đoàn kiểm tra về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan, trung thực của nội dung báo cáo đó.

Trong trường hợp qua kiểm tra phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật về các nội dung được kiểm tra hoặc theo yêu cầu của người ra quyết định kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra xây dựng Báo cáo kết quả kiểm tra, văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra chuyên ngành trình người ra quyết định kiểm tra chuyên ngành. Báo cáo kết quả kiểm tra không phải là thủ tục bắt buộc đối với cuộc kiểm tra.

2. Căn cứ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Đoàn kiểm tra và căn cứ hồ sơ, tài liệu của Đoàn kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo

cáo người ra Quyết định kiểm tra về kết quả kiểm tra, chịu trách nhiệm trước người ra Quyết định kiểm tra và trước pháp luật về tính chính xác, khách quan, trung thực của nội dung báo cáo đó.

Trường hợp cần thiết, Trưởng đoàn kiểm tra trình người ra Quyết định kiểm tra ký văn bản gửi các đơn vị có liên quan cần lấy ý kiến phục vụ cho việc nhận xét, đánh giá, kết quả, kiến nghị và chịu trách nhiệm về việc tiếp thu, hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra. Đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi văn bản tham gia ý kiến trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.

Việc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân do người ra Quyết định kiểm tra xem xét, quyết định.

Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo Mẫu số 11 tại Phụ lục kèm theo Quy trình kiểm tra.

### 3. Xem xét báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra

a) Người ra Quyết định kiểm tra xem xét, đánh giá, có ý kiến các nội dung trong báo cáo kết quả kiểm tra. Trong trường hợp cần làm rõ hoặc bổ sung thêm nội dung của báo cáo kết quả kiểm tra, người ra Quyết định kiểm tra yêu cầu Trưởng đoàn kiểm tra và các thành viên Đoàn kiểm tra báo cáo hoặc tổ chức họp Đoàn kiểm tra để nghe báo cáo trực tiếp.

b) Trưởng đoàn kiểm tra tổ chức việc bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo đối với trường hợp phải làm rõ hoặc bổ sung theo ý kiến chỉ đạo của người ra Quyết định kiểm tra.

### 4. Xây dựng dự thảo kết quả kiểm tra

Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra và báo cáo bổ sung (nếu có) của Đoàn kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra xây dựng dự thảo kết quả kiểm tra trình người ra Quyết định kiểm tra để xem xét, quyết định.

Trưởng đoàn kiểm tra có quyền bảo lưu ý kiến về nội dung dự thảo Kết quả kiểm tra trước người ra Quyết định kiểm tra.

### 5. Ban hành kết quả kiểm tra

a) Căn cứ báo cáo kết quả kiểm tra và ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, người ra Quyết định kiểm tra chỉ đạo hoàn thiện dự thảo kết quả kiểm tra,

ký ban hành kết quả kiểm tra và chịu trách nhiệm về kết quả, kiến nghị của mình.

b) Người ra Quyết định kiểm tra có thể ban hành kết quả bổ sung, sửa đổi, thay thế một phần hoặc toàn bộ kết quả khi có căn cứ cho thấy kết quả kiểm tra không đảm bảo đầy đủ, chính xác, khách quan, làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trình tự, thủ tục ban hành, công khai kết quả bổ sung, sửa đổi, thay thế kết quả được thực hiện như trình tự, thủ tục ban hành, công khai kết quả kiểm tra.

c) Kết quả kiểm tra được gửi cho đối tượng kiểm tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và gửi Thanh tra tỉnh để tổng hợp, báo cáo. Kết quả kiểm tra theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Quy trình kiểm tra.

#### 6. Công khai kết quả kiểm tra

a) Người ra Quyết định kiểm tra quyết định việc công khai kết quả kiểm tra, trừ nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Việc công khai kết quả kiểm tra có thể được thực hiện theo một trong các hình thức sau: Công bố tại cuộc họp; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan; niêm yết kết quả tại trụ sở là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra trong thời hạn ít nhất 05 ngày liên tục.

#### 7. Kết thúc hoạt động của Đoàn kiểm tra

a) Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành kết quả kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổ chức họp để kết thúc hoạt động của Đoàn kiểm tra.

b) Nội dung họp kết thúc hoạt động của Đoàn kiểm tra, bao gồm: Đánh giá kết quả kiểm tra so với mục đích, yêu cầu; đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; tổng kết, trao đổi những bài học kinh nghiệm.

#### 8. Hồ sơ kiểm tra

a) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm bàn giao hồ sơ kiểm tra cho cơ quan trực tiếp quản lý Trưởng đoàn kiểm tra.

b) Hồ sơ bàn giao kiểm tra, bao gồm:

Quyết định kiểm tra, kế hoạch tiến hành kiểm tra, các văn bản bổ sung, sửa đổi

quyết định, kế hoạch tiến hành kiểm tra, thay đổi, bổ sung Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra.

Các biên bản làm việc, biên bản kiểm tra, xác minh; các loại báo cáo, báo cáo giải trình của đối tượng kiểm tra, các tài liệu về nội dung, chứng cứ.

Báo cáo của đối tượng kiểm tra; báo cáo tiến độ, báo cáo thực hiện nhiệm vụ của thành viên Đoàn kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra; kết quả kiểm tra.

Các văn bản về việc xử lý và các văn bản có liên quan đến các kiến nghị xử lý.

Việc bàn giao hồ sơ kiểm tra phải được lập thành biên bản.

c) Cơ quan ban hành Quyết định kiểm tra có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật và thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

## **Điều 12. Tổ chức thực hiện Kết quả kiểm tra**

### **1. Nguyên tắc thực hiện kết quả kiểm tra**

a) Kết quả kiểm tra phải được tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

b) Các kiến nghị, yêu cầu trong kết quả kiểm tra phải được xem xét, xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

c) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết quả kiểm tra phải được tiến hành thuyên xuyên, kịp thời, khách quan, công khai, minh bạch.

### **2. Chỉ đạo thực hiện kết quả kiểm tra**

a) Người ra Quyết định kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện kết quả kiểm tra có nội dung xin ý kiến chỉ đạo hoặc đối tượng kiểm tra, các tổ chức, cá nhân có liên quan cần có chỉ đạo thực hiện.

b) Việc chỉ đạo thực hiện kết quả kiểm tra phải bằng văn bản, trong đó xác định rõ trách nhiệm, thời hạn thực hiện của tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Đơn vị chủ trì cuộc kiểm tra có trách nhiệm tham mưu cấp có thẩm quyền ra văn bản chỉ đạo thực hiện kết quả kiểm tra.

### **3. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết quả kiểm tra**

a) Đơn vị chủ trì cuộc kiểm tra có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện

kết quả kiểm tra.

b) Nội dung theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết quả kiểm tra, bao gồm:

Quá trình chỉ đạo việc tổ chức thực hiện kết quả kiểm tra (nếu có).

Tiến độ và kết quả thực hiện các nội dung trong kết quả kiểm tra, văn bản chỉ đạo.

Các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc thực hiện kết quả kiểm tra.

Đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo giải trình nguyên nhân chưa hoàn thành các nội dung trong kết quả kiểm tra, văn bản chỉ đạo.

c) Đơn vị chủ trì cuộc kiểm tra kết thúc theo dõi, đôn đốc và lưu hồ sơ kiểm tra khi việc thực hiện kết quả kiểm tra đã hoàn thành.

### **Điều 13. Phối hợp trong hoạt động kiểm tra**

1. Xử lý chồng chéo trong thực hiện kế hoạch kiểm tra, phê duyệt kế hoạch kiểm tra hàng năm được thực hiện theo Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Trách nhiệm phối hợp trong hoạt động kiểm tra:

Đoàn kiểm tra có trách nhiệm nghiên cứu, tham khảo và sử dụng các kết quả đã có liên quan đến nội dung kiểm tra và báo cáo người ban hành quyết định kiểm tra khi có sự khác nhau hoặc chưa thống nhất giữa các kết quả, bảo đảm thống nhất với hệ thống pháp luật

Trong quá trình tiến hành kiểm tra, đơn vị chủ trì cuộc kiểm tra có thể tham khảo ý kiến của các cơ quan, đơn vị có chức năng liên quan và chịu trách nhiệm toàn diện về việc tiếp thu ý kiến. Việc lấy ý kiến phải được sự đồng ý của người ra Quyết định kiểm tra.

Đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi văn bản tham gia ý kiến trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.

3. Trong quá trình thực hiện quy trình kiểm tra theo quy chế này:

a) Trường hợp doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký; không có người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp của người

đại diện theo pháp luật, người đứng đầu để làm việc với Đoàn kiểm tra: Đoàn kiểm tra ghi nhận và có văn bản gửi Cơ quan quản lý thuế trực tiếp doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh của doanh nghiệp để xem xét, cập nhật tình trạng doanh nghiệp không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký trên Hệ thống quản lý do Cục Thuế quản lý.

b) Trường hợp doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có hành vi cản trở hoạt động kiểm tra, chống đối Đoàn Kiểm tra có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự: Đoàn Kiểm tra ghi nhận và chuyển Công an xã, phường, đặc khu hoặc Cơ quan Công an có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận: Đoàn Kiểm tra ghi nhận và có văn bản gửi Cơ quan đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh để thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định.

### **Chương III**

#### **NỘI DUNG KIỂM TRA VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**Điều 14. Nội dung kiểm tra về đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh.**

1. Chấp hành quy định về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, bao gồm:

a) Đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

b) Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

c) Người đăng ký thành lập doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật.

2. Chấp hành các nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với các loại hình doanh nghiệp, bao gồm:

a) Việc thực hiện quy định về đăng ký trụ sở chính của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

b) Việc thực hiện quy định về treo biển hiệu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

c) Việc thực hiện quy định về đăng ký góp vốn của doanh nghiệp, thời hạn góp vốn và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp.

d) Việc thực hiện quy định về lập và lưu trữ sổ đăng ký thành viên, sổ đăng ký cổ đông.

đ) Việc thực hiện quy định về tạm ngừng kinh doanh

3. Chấp hành quy định về tổ chức bộ máy, quản lý, điều hành hoạt động của các loại hình doanh nghiệp, bao gồm:

a) Việc thực hiện chế độ lưu trữ hồ sơ, tài liệu tại trụ sở chính của doanh nghiệp.

b) Việc thực hiện các quy định về trình tự, thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.

4. Chấp hành quy định về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể các loại hình doanh nghiệp các loại hình doanh nghiệp, bao gồm:

a) Việc thực hiện trình tự thủ tục tiến hành giải thể doanh nghiệp.

b) Việc thông báo về việc chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập.

5. Chấp hành quy định về chế độ báo cáo và thực hiện yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh, bao gồm:

a) Về thực hiện quy định về cung cấp thông tin nội dung đăng ký kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

b) Về thực hiện quy định về thời hạn nộp báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

c) Kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật tên doanh nghiệp theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh đối với trường hợp doanh nghiệp có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

6. Các nội dung quản lý nhà nước khác về đăng ký và hoạt động doanh nghiệp.

**Điều 15. Nội dung kiểm tra về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh.**

1. Đối với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, gồm:

a) Việc thực hiện quy định trong việc tiếp nhận, thụ lý giải quyết hồ sơ đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

b) Việc thực hiện quy định về thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

c) Việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

d) Công tác giải quyết khiếu nại, kiến nghị, phản ánh liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm có:

a) Điều kiện trở thành, chấm dứt tư cách thành viên, hợp tác xã thành viên

b) Góp vốn điều lệ; trả lại, thừa kế vốn góp.

c) Thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

d) Đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

đ) Tổ chức quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

e) Tài sản, tài chính hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

g) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Giải thể, phá sản, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

f) Các nội dung quản lý nhà nước khác về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**Điều 16. Nội dung kiểm tra về đăng ký hộ kinh doanh, địa điểm hộ kinh doanh.**

1. Đối với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, gồm:

a) Việc thực hiện quy định trong việc tiếp nhận, thụ lý giải quyết hồ sơ đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.

b) Việc thực hiện quy định về thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

c) Việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

d) Công tác giải quyết khiếu nại, kiến nghị, phản ánh liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh.

2. Đối với hộ kinh doanh, gồm có:

a) Chấp hành quy định về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.

b) Quyền thành lập hộ kinh doanh, nghĩa vụ đăng ký hộ kinh doanh.

3. Chấp hành các nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, bao gồm:

a) Việc thực hiện quy định về đăng ký trụ sở chính của hộ kinh doanh.

b) Việc thực hiện quy định về treo biển hiệu của hộ kinh doanh.

c) Việc thực hiện quy định về đăng ký góp vốn của hộ kinh doanh.

d) Việc thực hiện quy định về tạm ngừng kinh doanh

4. Chấp hành quy định về chế độ báo cáo và thực hiện yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, bao gồm:

a) Về thực hiện quy định về cung cấp thông tin nội dung đăng ký kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

b) Về thực hiện quy định về thời hạn nộp báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh.

5. Các nội dung quản lý nhà nước khác về đăng ký và hoạt động hộ kinh doanh.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Các Cơ quan chức năng và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm thực hiện Quy trình kiểm tra này và theo Biểu mẫu sử dụng trong kiểm tra về đăng ký kinh doanh kèm theo Phụ lục đính kèm Quy trình này.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm triển khai, đôn đốc việc thực hiện Quy trình kiểm tra này.

3. Kèm theo Quy trình này là biểu mẫu sử dụng trong Quy trình kiểm tra. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung các cơ quan chức năng báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài chính để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định thay thế, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung Quy trình này cho phù hợp với tình hình thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

**PHỤ LỤC**  
**Biểu mẫu sử dụng trong kiểm tra về đăng ký kinh doanh**

(kèm theo Quy trình kiểm tra ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Mẫu số 01	Quyết định kiểm tra
Mẫu số 02	Kế hoạch tiến hành kiểm tra
Mẫu số 03	Đề cương yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo
Mẫu số 04	Biên bản công bố Quyết định kiểm tra
Mẫu số 05	Văn bản đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu
Mẫu số 06	Biên bản giao, nhận hồ sơ, tài liệu
Mẫu số 07	Biên bản kiểm tra, xác minh
Mẫu số 08	Quyết định gia hạn thời gian kiểm tra
Mẫu số 09	Quyết định tạm dừng/đình chỉ kiểm tra
Mẫu số 10	Thông báo kết thúc kiểm tra
Mẫu số 11	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ
Mẫu số 12	Kết quả kiểm tra

*Mẫu số 01: Quyết định kiểm tra*CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1)  
.....(2).....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-(3)

....., ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về.....(4)**

.....(5).....

*Căn cứ Luật;**Căn cứ Nghị định...;**Căn cứ.....;**Căn cứ Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày .... tháng .... năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;**Căn cứ .....**Căn cứ.....;**Theo đề nghị của .....***QUYẾT ĐỊNH****Điều 1.** Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh đối với.....(6)

Phạm vi, nội dung kiểm tra:

Thời hạn kiểm tra là..... ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra.

**Điều 2.** Thành lập đoàn kiểm tra, gồm các ông/bà có tên sau đây:

1. Ông/bà: ....., Trưởng đoàn

2. Ông/bà: ....., Phó Trưởng đoàn (nếu có)

3. Ông/bà: ....., Thành viên

4. Ông/bà: ....., Thành viên

**Điều 3.** Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ cụ thể theo Điều 1 Quyết định này. Đoàn kiểm tra thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định Điều 8, Điều 15

Nghị định 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về kiểm tra chuyên ngành và các quy định khác có liên quan.

**Điều 4.** Kinh phí và phương tiện hoạt động của Đoàn kiểm tra thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 5.** Các ông (bà) có tên tại Điều 2; các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan và ..... (7) chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận**

Như Điều 5;

.....;

Lưu VT. (8), HSKT.

.....(5).....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan/đơn vị ban hành quyết định kiểm tra
- (3) Tên viết tắt cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.
- (4) Tên cuộc kiểm tra
- (5) Chức danh của người ban hành quyết định kiểm tra.
- (6) Tên đầy đủ của đối tượng kiểm tra
- (7) Tên đơn vị phối hợp (nếu có).
- (8) Tên viết tắt đơn vị chủ trì kiểm tra

*Mẫu số 02: Kế hoạch tiến hành kiểm tra*

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-....

....., ngày tháng năm 2026

**KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH KIỂM TRA**

Thực hiện Quyết định kiểm tra số: ..... Trưởng đoàn kiểm tra lập kế hoạch tiến hành kiểm tra như sau:

**I. Mục đích, yêu cầu**

1. Mục đích:.....

2. Yêu cầu:.....

**II. Nội dung kiểm tra:**

.....(2)

**III. Phương pháp tiến hành kiểm tra**

.....(3)

**IV. Tiến độ thực hiện**

1. Tiến độ thực hiện:.....

2. Chế độ thông tin, báo cáo:.....

3. Phân công nhiệm vụ:.....

4. Điều kiện vật chất đảm bảo thực hiện cuộc kiểm tra:.....

5. Những vấn đề khác (nếu có):.....

**PHÊ DUYỆT CỦA.....(4)***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA***(Ký, ghi rõ họ tên)***Nơi nhận:**

- .....
- Thành viên Đoàn kiểm tra;
- Lưu: Hồ sơ kiểm tra.

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra
- (2) Phạm vi, nội dung chính, đối tượng, thời kỳ, thời hạn kiểm tra
- (3) Phương pháp thu thập thông tin, tài liệu; phương pháp kiểm tra, xác minh
- (4) Người ra Quyết định kiểm tra

Mẫu số 03: Đề cương yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 2026

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**  
**Về việc chấp hành quy định của pháp luật về .....**

Thực hiện Quyết định số:.....Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về .....; Đoàn kiểm tra đề nghị tổ chức/cá nhân báo cáo bằng văn bản cho Đoàn kiểm tra trước khi tiến hành kiểm tra theo các nội dung dưới đây.

**I. KHÁI QUÁT CHUNG**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; Quyết định thành lập (nếu có):

- Giấy phép sản xuất, kinh doanh (nếu có);

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh  
.....;

- Vốn điều lệ của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh  
.....;

- Lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh chính.....;

-.....

**II. NỘI DUNG**

Việc thực hiện, chấp hành quy định của pháp luật về các nội dung kiểm tra.

.....

**III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT (nếu có)**

.....

**Nơi nhận:**

-.....;

- .....(2);

- Thành viên Đoàn kiểm tra;

- Lưu: Hồ sơ kiểm tra.

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra

(2) Người ban hành quyết định kiểm tra

*Mẫu số 04: Biên bản công bố Quyết định kiểm tra*

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 2026

## **BIÊN BẢN**

### **Công bố Quyết định kiểm tra**

Vào hồi ....giờ ....ngày .../.../....., tại .....(2)....., Đoàn kiểm tra theo Quyết định số ....ngày .../.../..... của.....tiến hành công bố Quyết định kiểm tra về .....(3)

#### **I. Thành phần tham dự**

1. Đại diện ..... (nếu có)

Ông (bà):.....chức vụ.....

2. Đại diện Đoàn kiểm tra:

Ông (bà):.....chức vụ.....

3. Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra

Ông (bà):.....chức vụ.....

4. Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có)

Ông (bà):.....chức vụ.....

#### **II. Nội dung**

1. Trưởng đoàn kiểm tra đọc toàn văn Quyết định kiểm tra số ....ngày .../.../..... của ..... về việc .....(3) và nêu tóm tắt mục đích, yêu cầu, nội dung kế hoạch kiểm tra; nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn, thành viên đoàn kiểm tra, quyền và nghĩa vụ của đối tượng kiểm tra; thống nhất lịch kiểm tra đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra.

2. Đại diện đối tượng kiểm tra báo cáo về tình hình triển khai các nội dung sẽ kiểm tra theo đề cương yêu cầu.

3. Các ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có):.....

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ .... cùng ngày.

Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, Đoàn kiểm tra giữ 02 bản, đơn vị được kiểm tra giữ 01 bản./.

**ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ tên)

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**

(Ký và ghi rõ họ tên)

#### **Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra

(2) Địa điểm công bố

*Mẫu số 05: Đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu*

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**  
 Số /ĐKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Về việc cung cấp thông tin, tài liệu.

....., ngày tháng năm 2026

Kính gửi: .....(2)

Thực hiện Quyết định số:.....Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về .....; Đoàn kiểm tra..... đề nghị .....(2) cung cấp những thông tin, tài liệu sau đây:

.....

.....

Đề nghị .....(2) cung cấp đầy đủ những thông tin, tài liệu nói trên trước ngày ...../...../..... đến .....(3)

**Nơi nhận:**

-.....(2);  
 Lưu:...(Hồ sơ kiểm tra).

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**

**Ghi chú:**

- (1) Cơ quan ban hành quyết định kiểm tra  
 (2) Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu.  
 (3) Đơn vị chủ trì tiế hành kiểm tra.

Mẫu số 06: Biên bản giao nhận hồ sơ, tài liệu

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 2026

**BIÊN BẢN**  
**Giao, nhận hồ sơ, tài liệu**

Vào hồi ....giờ ....ngày .../.../....., tại .....(2).....,

Chúng tôi gồm:

**1. Đại diện Đoàn kiểm tra:**

Ông (bà):.....chức vụ.....

Ông (bà):.....chức vụ.....

**2. Đại diện bên giao**

Ông (bà):.....chức vụ.....

Ông (bà):.....chức vụ.....

Tiến hành giao, nhận thông tin, tài liệu sau đây:

.....(3)

Việc giao, nhận hoàn thành hồi ....giờ ....ngày .../.../.....,

Biên bản giao, nhận thông tin, tài liệu đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành....bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 1 bản./.

**Đại diện Đoàn kiểm tra**

(Ký, ghi rõ tên)

**Bên giao**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

(1) Cơ quan ban hành quyết định kiểm tra

(2) Địa điểm giao nhận thông tin, tài liệu.

(3) Thông tin, tài liệu giao nhận: tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, số tờ và trích yếu nội dung.

*Mẫu số 07: Biên bản kiểm tra, xác minh*

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 2026

## BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Căn cứ Quyết định kiểm tra số.....ngày...../...../.... của.....về việc.....(2)

Vào hồi ....giờ ....ngày .../.../....., tại .....(3)....., Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra về việc.....(4)

### 1. Đại diện Đoàn kiểm tra:

Ông (bà):.....chức vụ.....

Ông (bà):.....chức vụ.....

### 2. Đại diện .....(5)

Ông (bà):.....chức vụ.....

Ông (bà):.....chức vụ.....

### 3. Nội dung kiểm tra, xác minh

.....(6)

Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành....bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 1 bản./.

**Đại diện Đoàn kiểm tra**

*(Ký, ghi rõ tên)*

.....(4)

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

#### **Ghi chú:**

(1) Cơ quan ban hành quyết định kiểm tra

(2) Tên cuộc kiểm tra.

(3) Nội dung, kết quả kiểm tra, xác minh; ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra, xác minh (nếu có).

*Mẫu số 08: Quyết định gia hạn thời gian kiểm tra*CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1)  
.....(2).....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-(3)

....., ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc gia hạn thời gian kiểm tra**

.....(5).....

*Căn cứ Luật;**Căn cứ Nghị định...;**Căn cứ.....;**Căn cứ Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày .... tháng .... năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;**Căn cứ.....;**Theo đề nghị của .....***QUYẾT ĐỊNH****Điều 1.** Gia hạn thời gian kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số...ngày.../.../ của.....về việc.....(6)

Thời kỳ kiểm tra.....

Thời hạn gia hạn là .....ngày làm việc kể từ ngày...../...../.....

**Điều 2.** Trưởng đoàn kiểm tra, (7), (8) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận**

Nhu Điều 2;

.....;

Lưu VT, HSKT.

.....(5).....

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.

(2) Tên cơ quan/đơn vị ban hành quyết định kiểm tra

(3) Tên viết tắt cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(4) Tên cuộc kiểm tra

(5) Chức danh của người ban hành quyết định kiểm tra.

(6) Tên cuộc kiểm tra

(7) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện cuộc kiểm tra.

(8) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra

*Mẫu số 09: Quyết định tạm dừng/đình chỉ kiểm tra*CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1)  
.....(2).....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-(3) ..... , ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc tạm dừng/đình chỉ kiểm tra**

.....(5).....

*Căn cứ Luật;**Căn cứ Nghị định...;**Căn cứ.....;**Căn cứ Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày .... tháng .... năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;**Căn cứ.....;**Theo đề nghị của .....***QUYẾT ĐỊNH****Điều 1.** Tạm dừng/đình chỉ kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số...ngày.../.../ của.....về việc.....(6)

Lý do tạm dừng: .....

**Điều 2.** Trưởng đoàn kiểm tra, (7), (8) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận**

Như Điều 2;

.....;

Lưu VT, HSKT.

.....(5).....

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.

(2) Tên cơ quan/đơn vị ban hành quyết định kiểm tra

(3) Tên viết tắt cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(4) Tên cuộc kiểm tra

(5) Chức danh của người ban hành quyết định kiểm tra.

(6) Tên cuộc kiểm tra

(7) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện cuộc kiểm tra.

(8) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra

Mẫu số 10: Thông báo kết thúc kiểm tra

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**  
Số /ĐKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Về việc thông báo kết thúc kiểm tra.

....., ngày tháng năm 2026

Kính gửi: .....(2)

Thực hiện Quyết định số:.....Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về .....(3); Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra từ ngày .../.../... tại .....(4). Đoàn kiểm tra kết thúc việc kiểm tra từ ngày .../.../...

Trường hợp Đoàn kiểm tra cần xác minh hoặc cần cung cấp thêm thông tin, tài liệu để làm rõ nội dung trước khi kết quả kiểm tra, đề nghị.....(2) cung cấp đầy đủ, kịp thời.

Đoàn kiểm tra thông báo để.....(2) biết.

**Nơi nhận:**

-.....(2);  
Lưu:...(Hồ sơ kiểm tra).

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

- (1) Cơ quan ban hành quyết định kiểm tra
- (2) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra.
- (3) Tên cuộc kiểm tra.
- (4) Địa điểm tiến hành kiểm tra

*Mẫu số 11: Báo cáo kết quả kiểm tra*

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**  
 Số /ĐKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 2026

## BÁO CÁO

### Kết quả kiểm tra.....(2)

Thực hiện Quyết định số:.....Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về .....(2), từ ngày.../.../... đến ngày.../.../... Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tại.....(3).

Quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã làm việc với.....(4) và tiến hành kiểm tra, xác minh trực tiếp các nội dung kiểm tra.

Sau đây là kết quả kiểm tra:

1. ....(5)
2. Kết quả kiểm tra, xác minh:.....(6)
3. Kết quả những nội dung đã tiến hành kiểm tra:.....(7)
4. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng (nếu có):.....
5. Những ý kiến khác nhau giữa các thành viên Đoàn kiểm tra (nếu có)
6. Kiến nghị biện pháp xử lý:.....(8)

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra về.....(2), Đoàn kiểm tra xin ý kiến chỉ đạo của..... (9).

**Nơi nhận:**

-.....(2);  
 Lưu:...(Hồ sơ kiểm tra).

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

- (1) Cơ quan ban hành quyết định kiểm tra
- (2) Tên cuộc kiểm tra.
- (3) Địa điểm kiểm tra.
- (4) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra.
- (5) Khái quát đặc điểm tình hình, hoạt động có liên quan đến nội dung kiểm tra của đối tượng kiểm tra
- (6) Các nội dung đã tiến hành kiểm tra.
- (7) Kết quả về nội dung kiểm tra, chi rõ hạn chế, sai phạm (nếu có) và trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
- (8) Kiến nghị xử lý hành chính; chuyên hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm (nếu có) sang cơ quan điều tra và những kiến nghị khác (nếu có).
- (9) Người ra Quyết định kiểm tra.

*Mẫu số 12: Kết quả kiểm tra*CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1)  
.....(2).....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KL-(3)

....., ngày tháng năm 2026

**KẾT QUẢ KIỂM TRA****Về việc .....(4)**

Thực hiện Quyết định số:.....Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về .....(4), từ ngày.../.../... đến ngày.../.../... Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tại.....(5).

Xét báo cáo kết quả kiểm tra ngày.../.../... của Trưởng đoàn kiểm tra, (5)... kết quả kiểm tra như sau:

1. Khái quát chung:.....(6)
2. Kết quả kiểm tra, xác minh:.....(7)
3. Kết quả: .....(8)
4. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng (nếu có):.....
5. Kiến nghị biện pháp xử lý:.....(9)

**Nơi nhận**

.....(10).....

.....;

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

.....;

Lưu VT, HSKT.

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan/đơn vị ban hành quyết định kiểm tra
- (3) Tên viết tắt cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.
- (4) Tên cuộc kiểm tra
- (5) Địa điểm tiến hành kiểm tra.
- (6) Khái quát đặc điểm tình hình, hoạt động có liên quan đến nội dung kiểm tra của đối tượng kiểm tra
- (7) Nêu kết quả xác minh.
- (8) Kết quả những nội dung kiểm tra được kiểm tra, nêu rõ kết quả đạt được, tồn tại, sai phạm (nếu có) và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
- (9) Xử lý hành chính, chuyển hồ sơ vụ việc sia phạm có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra (nếu có)
- (10) Người ra Quyết định kiểm tra.